

Số: /QĐ-SGDĐT

Trà Vinh, ngày tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2021

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh sửa đổi Khoản 2 Điều 4 của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông; Thông tư số 05/2021/TT-BGDĐT ngày 12/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục Dân tộc - Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận 8.395 (tám ngàn ba trăm chín mươi lăm) thí sinh được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2021 (có bảng tổng hợp các đơn vị kèm theo).

Điều 2. Phòng Giáo dục Dân tộc - Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục hoàn thiện hồ sơ, lưu trữ, tổ chức mua phôi bằng, in và cấp phát bằng tốt nghiệp cho học sinh theo đúng số liệu nêu trên và đúng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng chuyên môn nghiệp vụ Sở Giáo dục và Đào tạo; Hiệu trưởng các trường THPT, PTDTNT, Thực hành sư phạm, Trung cấp Pali - Khmer và Giám đốc các Trung tâm GDTX - HNDN, Trung tâm GDNN - GDTX chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như điều 1 và 3;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Website Sở GD&ĐT;
- Lưu: VT, GDDT-KT&KĐCLGD.

Nguyễn Thị Bạch Vân

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày tháng 8 năm 2021
của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Trà Vinh)

Số TT	Tên trường	Số HS dự thi	Số tốt nghiệp		Ghi chú
			TS	Tỷ lệ	
1	THPT Phạm Thái Bường	501	501	100	
2	THPT Nguyễn Đáng	533	531	99.62	
3	THPT Nguyễn Văn Hai	371	368	99.19	
4	THPT Cầu Kè	293	293	100	
5	THPT Tiểu Cần	385	380	98.70	
6	THPT Vũ Đình Liệu	224	224	100	
7	THPT Trà Cú	276	275	99.64	
8	THPT Đại An	253	246	97.23	
9	THPT Dương Quang Đông	359	359	100	
10	THPT Duyên Hải	268	268	100	
11	Phổ Thông DTNT - THPT tỉnh Trà Vinh	138	138	100	
12	THPT Chuyên Nguyễn Thiện Thành	261	261	100	
13	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Càng Long	90	87	96.67	
14	THPT Hồ Thị Nhâm	177	176	99.44	
15	THPT Dương Háo Học	272	272	100	
16	Trung tâm GDTX- HNDN thành phố Trà Vinh	97	93	95.88	
17	THPT Thành Phố Trà Vinh	327	321	98.17	
18	THPT Long Hiệp	190	189	99.47	
19	THPT Cầu Quan	212	211	99.53	
20	THPT Bùi Hữu Nghĩa	153	151	98.69	
21	THPT Hòa Minh	149	147	98.66	

Số TT	Tên trường	Số HS dự thi	Số tốt nghiệp		Ghi chú
			TS	Tỷ lệ	
22	THPT Cầu Ngang A	173	173	100	
23	THPT Cầu Ngang B	139	137	98.56	
24	THPT Hàm Giang	81	79	97.53	
25	THPT Phong Phú	245	244	99.59	
26	THPT Tập Sơn	375	374	99.73	
27	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Châu Thành	31	29	93.55	
28	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tiểu Cần	37	33	89.19	
29	THPT Long Khánh	188	186	98.94	
30	THPT Hòa Lợi	165	165	100	
31	THPT Hiếu Tử	153	151	98.69	
32	THPT Nhị Trường	174	172	98.85	
33	THPT Đôn Châu	227	224	98.68	
34	THPT Long Hữu	233	232	99.57	
35	THPT Tam Ngãi	146	145	99.32	
36	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Cầu Kè	33	28	84.85	
37	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Cầu Ngang	45	43	95.56	
38	Trung tâm GDTX-HNDN huyện Trà Cú	35	33	94.29	
39	THCS và THPT Lương Hòa A	97	95	97.94	
40	Phổ thông DTNT THCS và THPT huyện Trà Cú	67	67	100	
41	Trung Tâm GDNN-GDTX thị xã Duyên Hải	16	16	100	
42	Thực Hành Sư Phạm	110	110	100	
43	Trung cấp Pali Khmer	31	29	93.55	
44	Phổ thông DTNT THCS và THPT huyện Tiểu Cần	66	66	100	
45	THCS và THPT Dân Thành	73	73	100	
	Tổng cộng	8.469	8.395	99.13	